

Tp.HCM, ngày 27 tháng 03 năm 2025

## THÔNG BÁO

(Lãi suất cho Kỳ Tính Lãi 05 của trái phiếu VICH2426001)

**Kính gửi:** - Tập đoàn Vingroup - Công ty CP (“Tổ Chức Phát Hành”)  
- Người Sở Hữu Trái Phiếu VICH2426001

**Căn cứ:**

- Các điều khoản và điều kiện Trái Phiếu được quy định tại Phụ lục của Hợp đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu số 01/2024/HDS-VINGROUP/HĐĐDNSHTP ngày 09/04/2024 của Tổ Chức Phát Hành (“**Các Điều Kiện Trái Phiếu**”);
- Hợp đồng đại lý thanh toán số 01/2024/HDS-VINGROUP/ĐLTT ngày 09/04/2024 giữa Tổ Chức Phát Hành và Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (“**Hợp Đồng Đại Lý Thanh Toán**”)

Trừ khi được định nghĩa khác đi trong thông báo này, các thuật ngữ viết hoa khi được sử dụng trong thông báo này sẽ có nghĩa như được quy định trong Văn Kiện Trái Phiếu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (“HDS”) xin trân trọng thông báo tới Người Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành thông báo lãi suất trái phiếu của Kỳ Tính Lãi 05, được tính từ và bao gồm ngày 10/04/2025 cho đến nhưng không bao gồm ngày 10/07/2025 như sau:

### 1. Kỳ Tính Lãi, Ngày Xác Định Lãi Suất và Ngày Thanh Toán Lãi

Kỳ Tính Lãi 05 được tính từ và bao gồm ngày 10/04/2025 cho đến và không bao gồm ngày 10/07/2025. Ngày Xác Định Lãi Suất cho Kỳ Tính Lãi 05 là ngày **27/03/2025**. Ngày Thanh Toán Lãi cho Kỳ Tính Lãi 05 là ngày 10/07/2025.

### 2. Lãi suất áp dụng

Theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng Đại Lý Thanh Toán, Lãi Suất áp dụng cho mỗi Kỳ Tính Lãi sau 04 (Bốn) Kỳ Tính Lãi đầu tiên được xác định bằng tổng của (i) lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng, áp dụng cho Khách hàng cá nhân kỳ hạn 13 tháng (LS13 loại 1) lĩnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh và (ii) biên độ 4,5% (Bốn phẩy năm phần trăm)/năm (“**Biên Độ**”).

Theo đó, Lãi Suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi 05 được xác định như sau:

Ngân Hàng Tham Chiếu	Lãi suất (%/năm)
HDBank LS13 Loại 1	8,1
Lãi Suất Tham Chiếu	8,1
Biên độ	4,5

**Lãi Suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi 05**

**12,6**

Trong vòng 01 (Một) Ngày Làm Việc kể từ ngày của thông báo này, nếu HDS không nhận được bất kỳ ý kiến nào khác từ Tổ Chức Phát Hành thì lãi suất của Kỳ Tính Lãi 05 như được trình bày ở trên sẽ được áp dụng.

(Đính kèm thông báo là Lãi Suất Tham Chiếu).

Trân trọng thông báo!

**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN HD**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN HÀ QUỲNH**



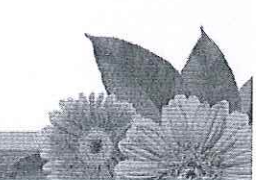
**BIỂU LÃI SUẤT HUY ĐỘNG VỐN DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN**

**Biểu lãi suất áp dụng trên toàn hệ thống (%/năm)**

**1. LÃI SUẤT TIẾT KIỆM TẠI QUẦY:**

**a. Tiết kiệm có kỳ hạn thông thường:**

Kỳ hạn	VND						USD	EUR	AUD	GBP	
	Cuối kỳ	Trả lãi trước	Hàng tháng	Hàng quý	Hàng 06 tháng	Hàng năm					
01 ngày	0,50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
01 tuần	0,50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
02 tuần	0,50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
03 tuần	0,50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
01 tháng	3,35	3,25	-	-	-	-	0,00	0,00	1,50	0,60	
02 tháng	3,35	3,25	-	-	-	-	0,00	0,00	1,50	0,80	
03 tháng	3,45	3,35	3,35	-	-	-	0,00	0,00	1,50	1,00	
04 tháng	3,45	3,35	3,35	-	-	-	0,00	-	-	-	
05 tháng	3,45	3,35	3,35	-	-	-	0,00	-	-	-	
06 tháng	5,20	5,00	5,10	5,10	-	-	0,00	0,00	1,70	1,20	
07 tháng	4,60	4,40	4,50	-	-	-	0,00	-	-	-	
08 tháng	4,60	4,30	4,50	-	-	-	0,00	-	-	-	
09 tháng	4,60	4,30	4,40	4,50	-	-	0,00	0,00	1,70	1,40	
10 tháng	4,60	4,30	4,40	-	-	-	0,00	-	-	-	
11 tháng	4,60	4,40	4,40	-	-	-	0,00	-	-	-	
12 tháng (*)	LS12 loại 1	7,70	-	-	-	-	-	-	-	-	
	LS12 loại 2	5,50	5,10	5,30	5,30	5,40	-	0,00	0,00	1,80	1,60
13 tháng (**)	LS13 loại 1	8,10	-	-	-	-	-	-	-	-	
	LS13 loại 2	5,70	5,20	5,40	-	-	-	0,00	-	-	-
15 tháng		5,90	5,40	5,60	5,70	-	-	0,00	-	-	-
18 tháng		6,00	5,40	5,70	5,70	5,80	-	0,00	-	-	-
24 tháng		5,40	4,80	5,10	5,10	5,20	5,30	0,00	-	-	-
36 tháng		5,40	4,50	5,00	5,10	5,10	5,20	-	-	-	-





- (\*) LS12 loại 1: lãi suất 12 tháng lãi cuối kỳ loại 1 mức 7,70% mã sản phẩm 12V- TK 12T LAI CUOI KY CN VND /365 áp dụng cho các khoản tiết kiệm tối thiểu từ 500 tỷ đồng trở lên/Thẻ tiết kiệm, không áp dụng huy động hình thức lãi đầu kỳ, lãi định kỳ.
- (\*\*\*) LS13 loại 1: lãi suất 13 tháng lãi cuối kỳ loại 1 mức 8,10% mã sản phẩm 13V-TK 13T LAI CUOI KY CN VND /365 áp dụng cho các khoản tiết kiệm tối thiểu từ 500 tỷ đồng trở lên/Thẻ tiết kiệm, không áp dụng huy động hình thức lãi đầu kỳ, lãi định kỳ.

**b. Tiết kiệm không kỳ hạn:**

Loại tiền	VND	USD	EUR	AUD	GBP
Lãi suất	0,40	0,00	0,00	0,10	0,20

**c. Tiền gửi Bảo ngân tương lai:**

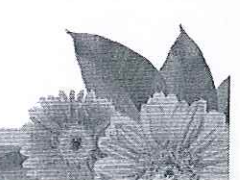
Kỳ hạn	Lãi suất VND thay đổi	Lãi suất VND cố định
Từ 1 năm đến 10 năm	5,50	5,40

**d. Tiền gửi tiết kiệm Gửi góp linh hoạt (đã ngưng áp dụng tài khoản đã mở trước 05/12/2019):**

Kỳ hạn	Lãi suất VND
6 tháng	3,35
9 tháng	3,35
12 tháng	3,35
24 tháng	3,35
36 tháng	3,35
48 tháng	3,35
60 tháng	3,35

**e. Tiết kiệm Linh hoạt:**

Kỳ hạn	Lãi suất VND		
	Lĩnh lãi hàng tháng	Lĩnh lãi hàng quý	Lĩnh lãi hàng 06 tháng
3 tháng	3,35	-	-
4 tháng	3,35	-	-
5 tháng	3,35	-	-
6 tháng	5,10	5,10	-
7 tháng	4,50	-	-
8 tháng	4,50	-	-
9 tháng	4,40	4,40	-
10 tháng	4,40	-	-
11 tháng	4,40	-	-



12 tháng	5,30	5,30	5,40
13 tháng	5,40	-	-
15 tháng	5,60	5,70	-
18 tháng	5,70	5,70	5,80
24 tháng	5,10	5,10	5,20
36 tháng	5,00	5,10	5,10

**2. LÃI SUẤT TIẾT KIỆM TRỰC TUYẾN:**

**a. Tiền gửi Bảo ngân Online:**

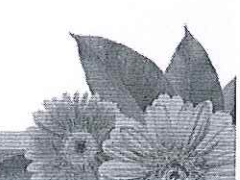
Kỳ hạn	Lãi suất VND thay đổi	Lãi suất VND cố định
Từ 1 năm đến 10 năm	5,60	5,50

**b. Tiền gửi Tiết kiệm Gửi góp linh hoạt trực tuyến:**

Kỳ hạn	Lãi suất VND
6 tháng	3,35
9 tháng	3,35
12 tháng	3,35
24 tháng	3,35
36 tháng	3,35
48 tháng	3,35
60 tháng	3,35

**c. Tiết kiệm Online:**

Kỳ hạn	Lãi suất VND
01 tuần	0,50
02 tuần	0,50
03 tuần	0,50
01 tháng	3,85
02 tháng	3,85
03 tháng	3,95
04 tháng	3,95
05 tháng	3,95
06 tháng	5,30
07 tháng	4,70
08 tháng	4,70
09 tháng	4,70
10 tháng	4,70
11 tháng	4,70





12 tháng	5,60
13 tháng	5,80
15 tháng	6,00
18 tháng	6,10
24 tháng	5,50
36 tháng	5,50

**d. Lãi suất Tiền gửi tiết kiệm Online Vikki**

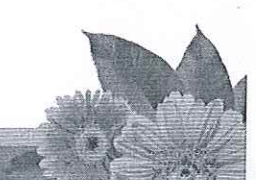
Kỳ hạn	Lãi suất VND
01 tháng	3,95
06 tháng	5,40
12 tháng	5,70
13 tháng	5,90

**3. TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN**

Kỳ hạn	Lãi suất VND			
	Cuối kỳ	Hàng tháng	Hàng quý	Hàng 06 tháng
TK KKH	0,40	-	-	-
01 tháng	3,35	-	-	-
02 tháng	3,35	-	-	-
03 tháng	3,45	3,35	-	-
04 tháng	3,45	3,35	-	-
05 tháng	3,45	3,35	-	-
06 tháng	5,20	5,10	5,10	-
07 tháng	4,60	4,50	-	-
08 tháng	4,60	4,50	-	-
09 tháng	4,60	4,40	4,50	-
10 tháng	4,60	4,40	-	-
11 tháng	4,60	4,40	-	-
12 tháng	5,50	5,30	5,30	5,40
13 tháng	5,70	5,40	-	-
15 tháng	5,90	5,60	5,70	-
18 tháng	6,00	5,70	5,70	5,80
24 tháng	5,40	5,10	5,10	5,20
36 tháng	5,40	5,00	5,10	5,10

**4. LÃI SUẤT CHỨNG CHỈ TIỀN GỬI:**

Kỳ hạn	Lãi suất VND
1 tháng	3,45



2 tháng	3,45
3 tháng	3,55
4 tháng	3,55
5 tháng	3,55
6 tháng	5,30
7 tháng	4,70
8 tháng	4,70
9 tháng	4,70
10 tháng	4,70
11 tháng	4,70
12 tháng	5,60
13 tháng	5,80
15 tháng	6,00
18 tháng	6,10
24 tháng	5,50
36 tháng	5,50

**5. LÃI SUẤT TIỀN GỬI THANH TOÁN:**

**a. Tài khoản tiền gửi thanh toán:**

Loại tiền	VND	USD	EUR	AUD	GBP
TGTT	0,40	0,00	0,00	0,10	0,20

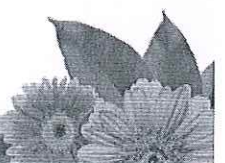
**b. Tài khoản tiền gửi thanh toán iSmart:**

Số dư tài khoản iSmart cuối ngày (X)	Lãi suất VND	Phí duy trì số dư tài khoản hàng tháng (*)
$X \leq 3$ triệu đồng	0,10	20,000VND
$3$ triệu đồng $< X \leq 5$ triệu đồng	0,12	
$5$ triệu đồng $< X \leq 10$ triệu đồng	0,15	
$10$ triệu đồng $< X$	0,20	

(\*) Áp dụng khi số dư bình quân hàng tháng của tài khoản nhỏ hơn 10 triệu đồng. Phí chưa bao gồm thuế GTGT.

**c. Tài khoản tiền gửi thanh toán lũy tiến:**

Số tiền gửi	Lãi suất VND
Đến 10 triệu đồng	0,10
Trên 10 triệu đồng đến 50 triệu đồng	0,12
Trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	0,14





Trên 100 triệu đồng đến 300 triệu đồng	0,16
Trên 300 triệu đồng đến 500 triệu đồng	0,18
Trên 500 triệu đồng	0,20

**6. QUY ĐỊNH PHƯƠNG PHÁP TÍNH LÃI:**

a. **Thời hạn tính lãi:** được xác định từ ngày HDBank nhận gửi tiền đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán hết khoản tiền gửi (tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi) và thời điểm xác nhận số dư tiền gửi để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.

b. **Công thức tính lãi:**

$$\text{Số tiền lãi} = \frac{\sum(\text{Số dư thực tế} \times \text{Số ngày duy trì số dư thực tế} \times \text{Lãi suất tính lãi})}{365}$$

Trong đó:

- Số dư thực tế: Là số dư cuối ngày tính lãi của số dư tiền gửi trong thời hạn tính lãi.
- Số ngày duy trì số dư thực tế: Là số ngày mà số dư thực tế cuối mỗi ngày không thay đổi.
- Lãi suất tính lãi: là mức lãi suất niêm yết kỳ hạn tương ứng, được tính theo tỷ lệ %/năm, một năm là 365 ngày (ba trăm sáu mươi lăm ngày). Lãi suất được quy định cụ thể trên sổ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi và được điều chỉnh theo quy định của HDBank theo từng thời kỳ.

*Lưu ý: Bảng Lãi suất mang tính chất tham khảo, vui lòng liên hệ Chi nhánh HDBank gần nhất hoặc Trung Tâm dịch vụ khách hàng 19006060 để biết lãi suất cập nhật nhất.*

*Hiệu lực ngày 20/01/2025*

